TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2021

Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Thành;

2. Ông Nguyễn Tấn Rỏn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thúy H1 - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp TH, xã BHB, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Hoài T - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Ấp TH, xã BHB, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 12 năm 2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy H1 trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Trần Hoài T cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 13-5-2014 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện ĐH, tỉnh Long An; Chung sống đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, hiện vẫn sống chung nhà.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoài T;

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Trần Hoài N, sinh ngày 28-8-2014, đang sống chung với bà và ông T; Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Trần Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

- Ngày 22-01-2021, bà Đỗ Thị Thúy H1 có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Trần Hoài T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đỗ Thị Thúy H1 khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Trần Hoài T; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Bị đơn là ông T được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà H1 và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 13-5-2014 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện ĐH, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H1 và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà H1: Bà H1 và ông T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau (theo trình bày của bà H1); Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn, đến khi được Tòa án thụ lý vụ án và đến nay, ông T không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, bà H1 và ông T vẫn còn mâu thuẫn, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên bà H1 xin ly hôn. Mâu thuẫn giữa bà H1 và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H1 yêu cầu ly

hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về nuôi con chung:

[6.1] Xét việc bà H1 yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hoài N, sinh ngày 28-8-2014 là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6.2] Hiện con chung đang sống chung với bà H1 và ông T, nên ông T có nghĩa vụ giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6.3] Bà H1 không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[6.4] Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà H1 và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà H1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 và 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà H1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thúy H1 được ly hôn với ông Trần Hoài T.

2. Về nuôi con chung:

- Bà Đỗ Thị Thúy H1 được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hoài N, sinh ngày 28-8-2014, đang sống với bà H1 và ông Trần Hoài T. Ông T có nghĩa vụ giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Trần Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà H1 và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thúy H1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008921 ngày 15-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà H1 đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã HH, huyện ĐH, tỉnh Long An (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hùng Vương